

## Phụ lục I

# ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN TTHC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

<b>Mẫu:</b>	<b>ĐỀ CƯƠNG</b>	<b>- Đơn vị báo cáo:</b>
<b>II.01-ĐC/VPCP/KSTT</b>	<b>BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ</b>	+ Sở Tài chính
		<b>- Đơn vị nhận báo cáo:</b>
		+ Văn phòng UBND tỉnh.

## I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong quý III năm 2025, Sở Tài chính không thực hiện việc đánh giá tác động quy định về TTHC.

### 2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong quý III năm 2025, Sở Tài chính không chủ trì thực hiện thẩm định TTHC.

### 3. Về công bố, công khai thủ tục hành chính

- Tổng số Quyết định danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 03 Quyết định (Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; số 289/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính; số 519/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình).

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của cơ quan tính đến thời điểm báo cáo: 161 TTHC; trong đó số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: 97 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 161 TTHC; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 161 TTHC, số TTHC do địa phương quy định: Không.

### 4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch: 05 TTHC (theo QĐ số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh).

### **5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: Trong kỳ, Sở Tài chính không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: Không; trong đó số đã được đăng tải công khai: Không.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: Không.

### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 12/9/2025: Trong quý III năm 2025, Sở Tài chính đã tiếp nhận 7141 hồ sơ giải quyết TTHC, trong đó có 150 hồ sơ tiếp nhận tại bộ phận Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 6991 hồ sơ trên cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính.

- Nhận trực tuyến 100%; nhận qua dịch vụ bưu chính công ích: 0;

- Hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua là 34 hồ sơ.

- Đã giải quyết được 7006 hồ sơ, trong đó 6977 hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn; trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 806 hồ sơ; còn 135 hồ sơ đang xử lý trong thời hạn giải quyết.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết được số hóa trên Hệ thống tiếp nhận giải quyết TTHC tỉnh và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

### **7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật, theo dõi tình hình thực hiện thông qua hệ thống thông tin một cửa điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân; nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan.

- Thực hiện số hóa các hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

- Tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

### **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử**

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: Duy trì việc tiếp nhận, giải quyết TTHC thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia

và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; 100% hồ sơ nộp trực tiếp đã được số hóa, cập nhật lên hệ thống để xử lý.

- Thực hiện cung cấp 92 TTHC dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: Đang thực hiện theo Kế hoạch đã ban hành.
- Tình hình tích hợp dịch vụ công của cơ quan trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính đã được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

### **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

- Tuyên truyền và hướng dẫn các phòng, đơn vị thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, hiểu được tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan.
- Thực hiện đăng tải các văn bản QPPL lĩnh vực Tài chính, các tin bài về công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

### **10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC**

Trong quý III/2025, Sở chưa có đề xuất sáng kiến cải cách hành chính.

### **11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

Công tác kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC gắn liền với công tác kiểm tra cải cách hành chính nội bộ của cơ quan.

### **12. Nội dung khác**

Không phát sinh.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Công tác kiểm soát TTHC đã được Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện trên cơ sở bám sát quy định pháp luật hiện hành; góp phần quan trọng trong việc phối hợp thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC giữa các phòng, đơn vị trong cơ quan.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO**

1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về nâng cao chất lượng phục vụ trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Thực hiện nghiêm công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả, nhất là các nhóm thủ tục hành chính, dịch vụ công liên thông.

2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục rà soát, lập danh mục các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh có nội dung chưa rõ, khó hiểu, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc thiếu khả thi, khó tuân thủ để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.





Biểu số  
II.03b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý III năm 2025**  
(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 12/9/2025)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài chính

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

**I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG**

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Tài chính	03	0	161	0	161	0	161	0	161
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>03</b>	<b>0</b>	<b>161</b>	<b>0</b>	<b>161</b>	<b>0</b>	<b>161</b>	<b>0</b>	<b>161</b>

## II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Tài chính	03	0	161	0	161	0	161	0	161
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>03</b>	<b>0</b>	<b>161</b>	<b>0</b>	<b>161</b>	<b>0</b>	<b>161</b>	<b>0</b>	<b>161</b>

















## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
1		0	0	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số  
II.08/VPCP/KSTT**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG - Đơn vị báo cáo:**

**ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN**

**Kỳ báo cáo: Quý III năm 2025**

*(Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 12/9/2025)*

Sở Tài chính

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

Văn phòng UBND tỉnh

*Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.*

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Công dịch vụ công quốc gia
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
<b>B</b>	<b>DVCTT DO CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI</b>							
•	<b>CẤP TỈNH</b>							
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (43 TTHC)</b>							
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001610					x		x

2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên Mã số 2.001583					x			x
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên Mã số 2.001199					x			x
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần Mã số 2.002043					x			x
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh Mã số 2.002042					x			x
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002041					x			x
7	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số 2.002011					x			x
8	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002010					x			x
9	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002009					x			x
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số 1.005114					x			x

11	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết Mã số 2.002000					X			X
12	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.001996					X			X
13	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001993					X			X
14	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán) Mã số 2.002044					X			X
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế Mã số 2.001954					X			X
16	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002069					X			X

17	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002070					X			X
18	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh Mã số 2.002031					X			X
19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002045					X			X
20	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài Mã số 1.010026					X			X
21	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty Mã số 2.002085					X			X
22	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty Mã số 2.002083					X			X

23	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002059					X			X
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002060					X			X
25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) Mã số 2.002057					X			X
26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại Mã số 2.002034					X			X
27	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002032					X			X
28	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại Mã số 2.002033					X			X

29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác Mã số 2.002018				x	x
30	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002017				x	x
31	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002015				x	x
32	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện Mã số 2.002029				x	x
33	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án Mã số 2.002023				x	x
34	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002020				x	x

35	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002016					X		X
36	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường Mã số 2.000368					X		X
37	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000416					X		X
38	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000375					X		X
39	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Mã số 1.010029					X		X
40	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp Mã số 1.010010					X		X
41	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp Mã số 1.010023					X		X
42	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp Mã số 1.005169					X		X

43	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo Mã số 2.002008						X		X
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (07 TTHC)</b>								
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.000024						X		X
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 1.000016						X		X
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.000005						X		X
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.002005						X		X
5	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư Mã số 2.002004						X		X
6	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị Mã số 2.002418						X		X

7	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp Mã số 2.001999					x		x
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (08 TTHC)</b>							x
1	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ Mã số 2.002665					x		x
2	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV Mã số 2.002666					x		x
3	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi Mã số 2.002667					x		x
4	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập Mã số 2.000529		x					x
5	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý Mã số 2.001061		x					x
6	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		x					x

	Mã số 2.001025							
7	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) Mã số 1.002395					x		x
8	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) Mã số 2.001021					x		x
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp (01 TTHC)</b>							
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Mã số 3.000214		x					x
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (22 TTHC)</b>							x
1	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009642					x	3	x

2	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009644					x	0	x
3	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009645					x	33	x
4	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã số 1.009646					x	58	x
5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. Mã số 1.009647					x	18	x
6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyên nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009649					x	1	x
7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyên nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009650					x	0	x
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					x	0	x

	Mã số 1.009652							
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					x	1	x
	Mã số 1.009653							
10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					x	2	x
	Mã số 1.009654							
11	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh					x	0	x
	Mã số 1.009655							
12	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).					x	0	x
	Mã số 1.009656							
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số					x	0	x

	31/2021/NĐ- CP). Mã số 1.009657							
14	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009659					x	3	x
15	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009661					x	0	x
16	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009662					x	6	x
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. Mã số 1.009664					x	19	x
18	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009665					x	3	x
19	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009671					x	0	x
20	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài Mã số 1.009729					x	3	x

21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Mã số 1.009731					x	0	x
22	Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Mã số 1.009736					x	0	x
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Đấu thầu (09 TTHC)</b>							
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009491					x		x
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009492					x		x
3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009493					x		x
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009494					x		x
5	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất.					x		x

	Mã số 2.002603						
6	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012507					x	x
7	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012508					x	x
8	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012509					x	x
9	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012510					x	x
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)</b>						
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ Mã số 2.000765		x				x

<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý công sản (03 TTHC)</b>							
1	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế Mã số 3.000410					x		x
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà đất Mã số 3.000291					x		x
3	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000325					x		x
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Tin học - Thống kê (01 TTHC)</b>							
1	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách Mã số 2.002206.000.00.00					x		x
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai (01 TTHC)</b>							
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Mã số 1.012994					x		x
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại (01 TTHC)</b>							

1	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh Mã số 2.002058					<b>x</b>		<b>x</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>								